

ĐẶNG THU QUỲNH

Trò chơi với chữ cái VÀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



ĐẶNG THU QUỲNH

**TRÒ CHƠI
VỚI CHỮ CÁI
và
phát triển ngôn ngữ**

Tái bản lần thứ năm

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

1. NHẬN BIẾT TAY PHẢI VÀ TAY TRÁI CỦA BÉ

1. Mục đích

Giúp trẻ nhận biết tay phải và tay trái của mình. Từ đó trẻ biết định hướng bên phải, bên trái trong khi chơi các trò chơi với chữ cái.

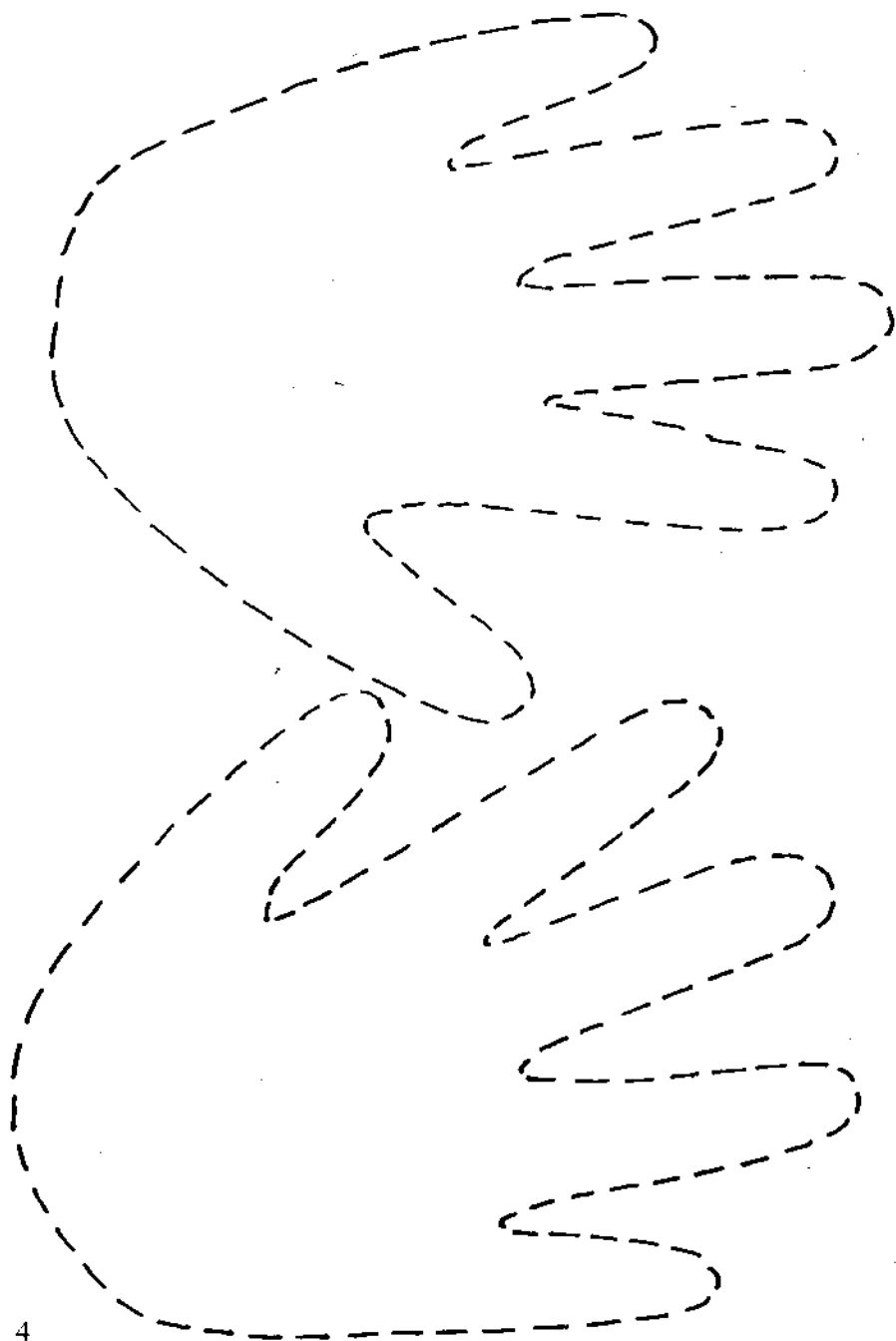
2. Chuẩn bị

- Mỗi trẻ một hình vẽ bàn tay phải và bàn tay trái.
- Một hình vẽ bàn tay phải, tay trái phóng to dùng cho cô.

3. Cách chơi

Cô phát cho mỗi cháu 1 hình vẽ bàn tay phải và bàn tay trái. Cô treo hình bàn tay phải, tay trái của cô lên bảng. Cô chỉ cho trẻ thấy hình vẽ bàn tay nào là tay phải, tay trái. Sau đó, cô cho trẻ úp lòng bàn tay vào hình vẽ mà cô phát cho các cháu, sao cho trùng khít để trẻ nhận biết tay phải, tay trái của mình.

Cô có thể nói với trẻ : "Khi chơi các trò chơi tô màu, nối chữ... phải dùng tay phải để cầm bút ...".



2. CÁNH CỬA THẦN

1. Mục đích

Củng cố nhận biết chữ cái và các âm đã học qua trò chơi.

2. Chuẩn bị

Sổ thẻ chữ cái trẻ đã học. Số lượng đủ với số trẻ chơi.

3. Cách chơi

Chơi cả lớp ở ngoài sân. Cô cho các cháu đứng thành vòng tròn. Cho 2 cháu đi vào giữa vòng tròn, đứng đối diện với nhau, giơ hai tay lên cao về phía trước mặt và hai lòng bàn tay của hai trẻ áp sát vào nhau làm “cánh cửa thần”. Cô giáo (hoặc 1 cháu) đứng phía sau “cánh cửa thần”, tay cầm 1 thẻ chữ cái giơ lên cao. Cô gọi một cháu đi đến đứng ngoài “cánh cửa thần” và đọc chữ cái ở thẻ chữ cô cầm.

Nếu cháu đọc đúng chữ cái thì “cánh cửa thần” sẽ mở. Hai cháu làm “cánh cửa thần” bỏ tay xuống để cho bạn đi qua, đi đến lấy thẻ chữ cái cô cầm rồi về chỗ của mình. Cả lớp hoan hô bạn. Cô lại tiếp tục lấy thẻ chữ cái khác. Trò chơi tiếp tục cho đến hết.

Nếu cháu đọc không đúng chữ cái, “cánh cửa thần” không mở. Cô cho cháu về chỗ ngồi. Cô gọi cháu khác lên chơi tiếp.

Sau lần đầu chơi, cô làm mẫu, cô cho một cháu lên thay cô cầm thẻ chữ cái. Cô đứng ngoài điều khiển trò chơi.



3. TÌM ĐÚNG CHỮ CÁI TRONG TỪ

1. Mục đích

Củng cố sự nhận biết và phát âm đúng chữ cái đã học.

2. Chuẩn bị

5 - 6 bức tranh có ghi từ chứa các chữ cái đã học (tranh làm quen với MTXQ và chữ cái).

3. Cách chơi

Cả lớp cùng chơi. Cô treo lần lượt từng bức tranh lên bảng. Cô gọi một cháu lên tìm chữ cái đã học và đọc to chữ cái đó. Trẻ tìm đúng và phát âm đúng, cô và cả lớp vỗ tay hoan hô. Sau đó cô lại gọi tiếp cháu khác lên. Trò chơi tiếp tục cho đến hết số tranh.

- Cô có thể gọi 2 cháu lên cùng để thi xem ai tìm nhanh và đúng chữ cái.

Ví dụ : Cô treo 2 tranh : "Con voi" và "Con vịt" rồi gọi hai cháu lên tìm chữ v trong tranh và đọc to chữ cái v. Cháu nào tìm nhanh và đọc đúng cô khen.

4. TÌM THÊ CHỮ THEO HIỆU LỆNH CỦA CÔ

1. Mục đích

Củng cố sự nhận biết chữ cái và phát âm đúng các âm đã học.

2. Chuẩn bị

- Mỗi cháu 5 - 6 thẻ chữ cái đã học
- Thẻ chữ cái cho cô.

3. Cách chơi

Chơi cả lớp hoặc theo nhóm.

Cách chơi thứ nhất : Cô đặt các thẻ chữ cái lên bàn của cô. Sau đó cô gọi 1 cháu lên bàn tìm thẻ chữ cái theo yêu cầu của cô (chữ ã). Cháu được gọi lên tìm đúng thẻ chữ cái (ã) giơ lên cao, quay về phía các bạn và đọc to, rõ ràng âm của chữ cái đó. Trẻ đọc đúng cô khen ngợi, cả lớp hoan hô.

Cách chơi thứ hai : Cô tổ chức cho cả lớp cùng chơi. Cô phát cho mỗi cháu 5 - 6 thẻ chữ cái đã học. Khi nào cô đọc 1 âm, kèm theo hiệu lệnh là tiếng xắc xô hoặc gõ thước kẻ lên bàn. Các cháu tìm trong số thẻ chữ cái của mình chữ cái mà cô vừa đọc và giơ lên cao.

Cô quan sát cả lớp, cháu nào tìm đúng, nhanh và giơ thẻ chữ ngay ngắn, cô khen kịp thời. Cháu nào tìm chưa đúng hoặc giơ ngược thẻ chữ, cô sửa lại cho các cháu.

Ví dụ : Cô đọc âm "dờ" các cháu tìm thẻ chữ cái d, giơ lên cao. Trò chơi lại tiếp tục, cô đọc âm khác.

5. XẾP HỘT HẠT THEO ĐÚNG CHỮ CÁI

1. Mục đích

- củng cố sự nhận biết chữ cái của trẻ.
- Luyện khả năng khéo léo của bàn tay trẻ.

2. Chuẩn bị

- Số hạt bằng nhựa (cúc áo) hoặc hạt na, hạt bưởi... đủ cho các cháu chơi.

- Hạt cho cô xếp mẫu.

3. Cách chơi

Chơi cả lớp ở ngoài sân hoặc ở trong lớp.

Cô phát cho từng cháu số hạt đã chuẩn bị. Sau đó cô yêu cầu các cháu nhìn xem cô xếp mẫu 1 chữ cái. Cô vừa xếp vừa hướng dẫn trẻ xếp thứ tự các nét chữ, xếp từ trên xuống, từ trái sang phải. Sau khi xem cô xếp mẫu - cô cho các cháu tự xếp thành hình chữ cái.

Khi xếp, các cháu nhìn theo mẫu và xếp theo thứ tự từng nét. Hoặc cô có thể vẽ hình chữ cái để các cháu xếp theo. Trong khi trẻ xếp, cô quan sát các cháu, nếu cháu nào không tự xếp được, cô kịp thời đến hướng dẫn cháu xếp cho đúng.

6. TÌM TRANH CÓ BẮT ĐẦU CÙNG MỘT CHỮ

1. Mục đích

- Luyện phát âm và nhận biết chữ cái đã học.
- Luyện khả năng quan sát nhanh.

2. Chuẩn bị

- Mỗi cháu một bộ lô tô có các chữ cái mà cô cần luyện cho trẻ (mỗi một chữ cái là 4 - 5 tranh ; chữ b : tranh vẽ quả bí, bầu, bưởi, bóng, bàn...).

3. Cách chơi

Cả lớp chơi ở phòng học

- Cô phát cho các cháu bộ lô tô đã chuẩn bị.

- Cô hướng dẫn trẻ chơi : Cô yêu cầu các cháu tìm các quân lô tô có từ bắt đầu bằng chữ b để riêng ra một chỗ và xếp thành hàng ngang. Cô đếm chậm từ 1 đến 5 (hoặc lắc xắc xô). Sau hiệu lệnh của cô. Cô quan sát các tranh cháu tìm. Cháu nào tìm được nhanh, nhiều

và đúng tranh, cô kịp thời khen, cả lớp hoan hô. Trò chơi tiếp tục. Các cháu tìm tranh cho các chữ cái khác.

7. TÌM TIẾNG BẮT ĐẦU CÙNG MỘT CHỮ CÁI

1. Mục đích

Rèn khả năng nhanh trí tìm từ bắt đầu cùng 1 chữ cái

2. Chuẩn bị

Một chiếc mùi xoa

3. Cách chơi

Cả lớp cùng chơi ở ngoài sân. Cô cho các cháu ngồi thành vòng tròn. Cô đưa khăn cho một cháu, yêu cầu cháu đó chuyền khăn sang cho bạn ngồi cạnh (theo chiều kim đồng hồ) và đồng thời nói một tiếng có chữ cái n (nón). Cháu ngồi bên cạnh nhận được khăn, chuyền sang cho bạn tiếp theo và nói một tiếng khác theo cũng có chữ cái đầu tiên là n (na). Cứ như vậy lần lượt các cháu chuyền khăn cho nhau và tìm chữ tiếng có cùng chữ cái. Chuyền cho đến khi nào các cháu không tìm được các tiếng mà chữ đầu có cùng một chữ cái thì thôi. Cô lại chuyển sang trẻ tìm tiếng cho chữ cái khác.

Trong quá trình các cháu chuyền khăn tay cho nhau, cháu nào không tìm được tiếng có cùng chữ cái thì cô gợi ý cho cháu - hoặc khăn chuyển qua cho cháu khác.

8. Ô TÔ VÀO BẾN

1. Mục đích

- củng cố nhận biết chữ cái đã học theo hiệu lệnh của cô.
- Giúp trẻ được chơi vận động

2. Chuẩn bị

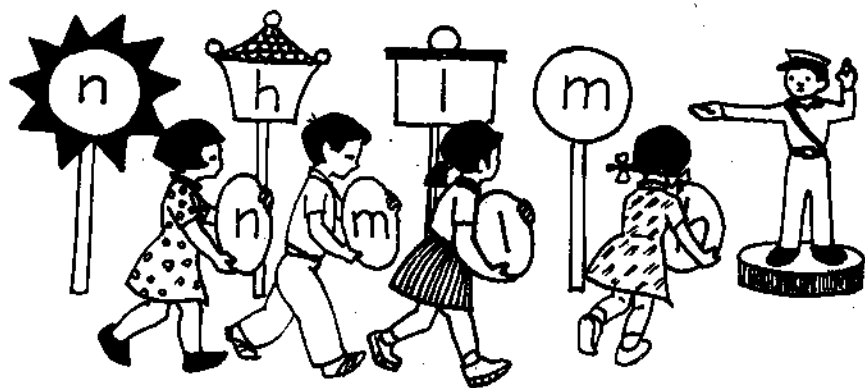
- 3 - 5 tấm bìa cứng hình tròn (vuông) có viết chữ cái, tượng trưng cho "bến xe" (có cán để cầm).

- Mỗi cháu 1 tấm bìa cứng hình tròn; có gắn chữ cái giống như chữ cái ở biển cấm làm "bến xe", giả làm "vô lăng"

3. Cách chơi

Cô cắm các biển vào một chỗ để quy định là "bến xe". Cô phát cho mỗi cháu một cái "vô lăng", làm "tài xế".

Trước khi chơi, cô nhắc các cháu phải đi đúng luật giao thông, không chen lấn, xô đẩy nhau, ai đến trước thì đứng trước, ai đến sau thì đứng sau.



Khi nào cô nói : "Xe chạy" các cháu làm "tài xế" cầm "vô lăng" làm động tác lái xe chạy xung quanh sân chơi, vừa chạy vừa kêu "pin, pin..." khi nghe hiệu lệnh của cô : "Về bến" trẻ sẽ chạy đến đứng "bến xe" của mình (Chữ cái trên "vô lăng" giống với chữ cái của "bến xe").

Cháu nào chạy đến nhanh và đứng "bến xe" của mình cô kịp thời khen. Trong quá trình chơi, cô có thể nâng cao yêu cầu bằng cách bỏ bớt đi 1 "bến xe" - một cháu sẽ không có bến xe.

9. CHỮ GÌ BIẾN MẤT ?

1. Mục đích

- Rèn khả năng quan sát, chú ý và phản xạ nhanh.
- Giúp trẻ nhớ mặt chữ dễ dàng, thoải mái.

2. Chuẩn bị

- Đồ chơi, đồ vật có gắn với chữ cái cần ôn.
- Thẻ các chữ cái giống với chữ cái gắn ở các đồ chơi - đồ vật.

3. Cách chơi

Cả lớp cùng chơi. Cô đặt các đồ chơi, đồ vật ở trên bàn - các cháu đứng xung quanh bàn. Cô yêu cầu các cháu quan sát các đồ chơi, đồ vật có gắn các chữ cái (con gà có gắn chữ g). Cô giơ từng đồ chơi đồ vật lên và các cháu đọc các chữ cái gắn ở đồ chơi, đồ vật.

Sau đó cô nói : "Trốn cô" các cháu nhắm mắt lại. Đồng thời cô lấy một đồ chơi, đồ vật cất đi - Xong cô nói : "Thấy cô" các cháu mở mắt. Cô hỏi trẻ : "Các cháu hãy nhìn xem đồ vật và chữ gì đã biến mất." Các cháu quan sát các đồ vật trên bàn và nói nhanh tên đồ vật và chữ cái đã biến mất. Cô chỉ định một cháu trả lời. Cháu trả lời đúng cô và cả lớp hoan hô. Nếu cháu trả lời sai - cô cho các cháu khác trả lời. Trò chơi lại tiếp tục từ đầu.

10. TẬP TÂM VÔNG

1. Mục đích

- Rèn luyện khả năng quan sát, suy đoán của trẻ.
- Cũng cố sự nhận biết và phát âm đúng các chữ cái đã học.

2. Chuẩn bị

- 6 - 8 tờ giấy cỡ 4 x 5 cm có viết các chữ cái cần ôn (mỗi tờ viết 1 chữ)
- Dạy trẻ học thuộc bài đồng dao "Tập tâm vông".

3. Cách chơi

Cả lớp cùng chơi ngoài sân hoặc trong phòng.

Cô giơ lên cao từng tờ giấy có chữ cái cho các cháu xem và cho cả lớp đọc tên chữ cái ghi ở tờ giấy. Sau đó cô gấp nhỏ các tờ giấy và trộn đều. Cô bốc 1 tờ giấy nắm trong bàn tay. Cô cho cả lớp đọc bài "Tập tâm vông" :

Tập tâm vông
Tay không tay có
Tập tâm vó
Tay nào có
Có chữ gì ?
Ai đoán đúng ?

Cô gọi một cháu đoán xem tay nào của cô có tờ giấy. Nếu cháu đoán đúng, cô mở tờ giấy ra và cho cháu đọc chữ cái đó. Nếu cháu đoán không đúng cô cho cháu đoán lại lần thứ 2. Cháu đoán đúng được thay cô làm chủ trò.

Trò chơi lại tiếp tục, lấy tờ giấy khác. Chơi cho đến khi hết số tờ giấy có các chữ cái.

11. TÌM HOA, QUẢ ĐÚNG VỚI CHỮ CÁI

1. Mục đích

Rèn khả năng nhanh nhẹn nhận biết chữ qua tranh.

2. Chuẩn bị

- Tranh hoa, quả có chứa chữ cái đầu cần ôn luyện : bưởi, dưa hấu, đu đủ, cà chua, hoa hồng, lay ơn...

- Mỗi cháu 1 thẻ chữ có chữ cái đầu của từ ghi ở tranh (ví dụ : Tranh dưa hấu - có thẻ chữ cái d).

3. Cách chơi

- Cô phát cho mỗi cháu 1 thẻ chữ và yêu cầu các cháu : Hãy nhận biết thẻ chữ của mình là chữ gì.

- Ở mỗi góc cô treo một bức tranh hoa hoặc quả có từ chứa chữ cái đầu cần ôn :

Ví dụ : chữ b - bưởi

đ - đu đủ

c - cà chua

l - lay ơn

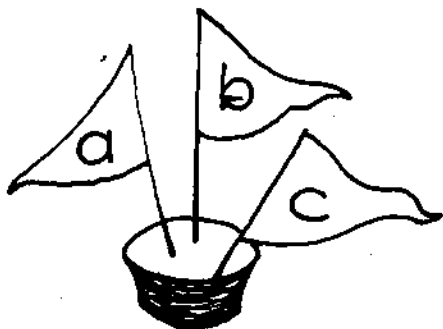
Cô cho trẻ đọc to từ ghi ở dưới các tranh. Sau đó trẻ vừa đi vừa hát hoặc đọc 1 bài thơ - bài đồng dao. Trẻ hát hết bài, cô nói : "Tìm quả có chữ cái của mình". Các cháu phải tìm tranh quả có từ chứa chữ cái tương ứng với thẻ chữ của mình.

Ví dụ : Cháu có thẻ chữ b phải đi đến chỗ treo tranh quả bưởi ; chữ đ tìm tranh quả đu đủ... Sau khi các cháu đã tìm các tranh - Cô quan sát xem các cháu đã tìm đúng chưa. Trò chơi lại tiếp tục. Cô cho các cháu đổi thẻ chữ cho nhau.

12. CƯỚP CỜ

1. Mục đích

- Luyện khả năng nhận biết nhanh các chữ cái đã học
- Rèn luyện khả năng nhanh nhẹn, tính kỉ luật



2. Chuẩn bị

- 5 - 6 lá cờ, các lá cờ có gắn chữ cái (các chữ không trùng nhau).
- 1 ống cắm cờ.

3. Cách chơi

Chơi cả lớp ở ngoài sân. Chia làm hai đội (số người bằng nhau). Cô vẽ 1 vòng tròn có đường kính là 30 cm, đặt ống cắm cờ vào giữa vòng tròn và cắm các lá cờ có gắn chữ cái (lá cờ phải được cắm thẳng để trẻ nhìn rõ mặt chữ). Từ vòng tròn đặt ống cắm cờ khoảng 3 - 4 m ở hai đầu sân cô kẻ một vạch mốc. Cô cho các cháu của hai đội đứng thành hàng ngang hai bên. Cô gọi hai cháu của hai đội lên đứng ở vạch mốc, quay mặt về phía ống cắm cờ. Khi nghe hiệu lệnh của cô : "Chuẩn bị - cướp cờ chữ ơ" Hai cháu chạy nhanh lên lấy cờ có chữ ơ. Cháu nào lấy cờ đúng và nhanh chạy về đội của mình là thắng cuộc (khi lấy cờ không được chạm người vào nhau).

Cô lại gọi tiếp hai cháu khác lên lấy cờ. Chơi cho đến hết cờ cắm ở ống. Đội nào lấy được nhiều cờ và đúng chữ là thắng cuộc.

13. BÁC ĐƯA THƯ

1. Mục đích

- Nhằm giúp trẻ phân biệt các chữ cái dễ nhầm lẫn về hình dạng như : b - d, p - q.

2. Chuẩn bị

- Mỗi cháu 1 thẻ chữ cái đã học : b, d, q, p.
- Phong bì thư có ghi chữ cái b, d, p, q (mỗi chữ 2 phong bì).

3. Cách chơi

8 - 10 cháu chơi ngoài sân. Cô phát cho mỗi cháu một thẻ chữ cái đã chuẩn bị - giả làm số nhà. Một cháu đóng vai "Bác đưa thư", đầu đội mũ - ngực đeo "cái" có đề dòng chữ : "Nhân viên bưu điện".

Cháu đóng vai "Bác đưa thư" cầm phong bì thư vừa đi vừa nói :

Các cháu ơi
Bác đưa thư
Từ nơi xa
Tới nơi này
Các cháu hãy
Cho bác biết
Số nhà ... (p)

Đọc đến câu cuối cùng, đúng chữ cái của cháu nào, cháu ấy giơ "số nhà" của mình ra để nhận thư. "Bác đưa thư" đưa lá thư có "địa chỉ" đúng với phong bì thư. Cháu đó giơ hai tay ra nhận thư và nói : "Cháu cảm ơn bác ạ". Ví dụ : Bác đưa thư nói : " Số nhà P" - cháu có thể chữ P đi đến trước mặt bác đưa thư giơ "số nhà" (thẻ chữ P) lên - Bác đưa thư đưa phong bì chữ p cho cháu. Cháu đưa hai tay nhận thư và nói : "Cháu cảm ơn bác ? " Bác đưa thư lại tiếp tục đi đưa thư cho các số nhà khác. Trò chơi tiếp tục.

14. THI LẤY BÓNG

1. Mục đích

- Rèn luyện khả năng nhanh nhẹn, khéo léo qua trò chơi để ôn luyện các chữ cái đã học.

2. Chuẩn bị

- 2 vòng tròn có đường kính 60 cm - có chân đế để gắn vòng tròn.
- Số bóng nhựa bằng số trẻ chơi - mỗi quả bóng có dán các chữ cái (Số bóng chia đều để ở 2 rổ)
- 4 cái rổ để đựng bóng

3. Cách chơi

Chơi cả lớp ở ngoài sân. Cô đặt 2 vòng tròn, vòng nọ cách vòng kia 1m. Phía trước của 2 vòng tròn khoảng 50 cm cô để rổ bóng. Cô kẻ một đường thẳng cách 2 vòng tròn khoảng 3 m. Cô chia số trẻ

chơi làm 2 đội (số trẻ của 2 đội bằng nhau). Hai đội đứng theo hàng dọc ở dưới đường kẻ. Khi nghe hiệu lệnh của cô, 2 cháu ở hai đội chạy đến vòng tròn, chui qua vòng tròn rồi đi đến chỗ để nhặt bóng và đọc to chữ cái ở trên quả bóng (khi chui qua vòng không chạm người vào vòng. Ai chạm thì không được nhặt bóng) rồi lại chạy về để bóng vào chỗ của đội mình và đập nhẹ vào tay bạn đứng tiếp theo. Bạn đó tiếp tục chạy đến chui qua vòng tròn - nhặt bóng - đọc chữ cái ... Cứ như vậy - trò chơi được tiếp tục đến hết số trẻ ở 2 đội. Đội nào nhặt được bóng hết trước và phát âm đúng chữ cái là thắng.

15. HOA TÌM LÁ, LÁ TÌM HOA

1. Mục đích

- Nhằm củng cố nhận biết chữ cái đã học và rèn khả năng quan sát nhanh.

2. Chuẩn bị

- Các lá thật (hoặc làm bằng bìa) mỗi cái lá đều có gắn 1 chữ cái.
- Các bông hoa thật (hoặc làm bìa) có gắn chữ cái giống với các chữ cái gắn ở lá.

3. Cách chơi

- Chơi theo nhóm hoặc cả lớp. Chơi ở sân rộng rãi.
- Cô chia số trẻ chơi ra làm 2 nhóm. Một nhóm cô phát cho mỗi cháu 1 cái lá có gắn chữ cái. Một nhóm cô phát cho mỗi cháu một bông hoa có gắn chữ cái.

Bắt đầu chơi : Cô cho 2 nhóm đi trong sân - vừa đi vừa hát. Khi nghe hiệu lệnh của cô : "Hoa tìm lá" thì những trẻ cầm lá đứng lại - còn những trẻ cầm hoa chạy đến đứng cạnh chiếc lá có gắn chữ cái giống với chữ cái của mình.

Ví dụ : Trẻ cầm hoa có chữ h đến đứng cạnh trẻ cầm cái lá có gắn chữ h. Cháu nào tìm đến nhanh là thắng - cô kịp thời khen.

Trò chơi tiếp tục - cô lại đổi sang "lá tìm hoa" và cho trẻ đổi hoa, đổi lá cho nhau.

Khi trẻ đã chơi quen - cô có thể cho 1 trẻ đứng lên làm trưởng trò thay cô.

16. NGHE ĐỌC TÌM ĐÚNG CHỮ

1. Mục đích

Nhằm giúp trẻ phân biệt được đúng các chữ cái có âm gần giống nhau : l - n ; s - x ; b - q.

2. Chuẩn bị

Bộ thẻ chữ cái : l - n ; s - x ; b - q (Số thẻ chữ cái đủ cho số trẻ chơi).

3. Cách chơi

- Cô đọc chậm một số từ : na, nón, nụ... Các cháu nghe và tìm chữ cái đầu của từ đó trong số thẻ chữ của mình - rồi giơ lên cao và đọc chữ cái đó. Nếu cháu nào giơ sai chữ cái thì cô đọc lại các từ đó vừa đọc để các cháu nghe rõ và tìm đúng chữ cái.

Trò chơi tiếp tục, cô đọc các từ của chữ cái khác. Khi trẻ đã chơi quen. Cô cho một cháu thay cô làm trưởng trò.

17. AI SỐNG TRONG NGÔI NHÀ NÀY

1. Mục đích

- Giúp trẻ nhận biết chữ cái đã học, đồng thời miêu tả được đặc điểm của một số con vật (tiếng kêu, dáng đi...).

2. Chuẩn bị

- Các ngôi nhà có hình vẽ các con vật và có ghi chữ cái về các con vật đó (nhà gà - hình con gà- và viết chữ g).

- Mỗi cháu 1 thẻ chữ của các chữ ghi ở các nhà của các con vật.

3. Cách chơi

Cô đặt tranh các ngôi nhà của các con vật ở 4 góc khác nhau. Sau đó cô phát cho mỗi cháu một thẻ chữ cái. Cô cho các cháu đi quanh nơi chơi vừa đi vừa hát bài " Ta đi vào rừng xanh". Khi có hiệu lệnh của cô : " Tìm về đúng ngôi nhà của mình". Các cháu chạy nhanh về "ngôi nhà" có chữ giống với thẻ chữ của các cháu.

Sau đó cô đi đến lần lượt từng ngôi nhà và hỏi : "Cốc, cốc, cốc ai ở trong ngôi nhà này ?"

Các cháu ở trong ngôi nhà đó trả lời bằng tiếng kêu và dáng đi của con vật sống ở ngôi nhà đó.

Ví dụ : Cô đi đến gõ cửa nhà gà : "Cốc, cốc, cốc, ai sống trong ngôi nhà này ?"

Các cháu ở ngôi nhà đó trả lời "Chúng tôi là gà đây, ngôi nhà của chúng tôi mang chữ g" rồi vỗ cánh và gáy : ồ, ồ, o. Cô đi tiếp đến "nhà" khác.

Sau khi đi hết các nhà, cô nhận xét các cháu chơi.

Trò chơi lại tiếp tục - cô cho trẻ đổi thẻ chữ cho nhau.

18. TÌM THANH TRONG TIẾNG

1. Mục đích

Nhằm giúp trẻ ôn luyện phân biệt được các thanh trong tiếng Việt : thanh huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng khi nghe các tiếng.

2. Chuẩn bị

Mỗi trẻ có 5 thẻ các dấu : huyền, hỏi, ngã, nặng, sắc.

3. Cách chơi

- Cách chơi thứ nhất : Cả lớp cùng chơi. Cô phát cho mỗi cháu thẻ các dấu đã chuẩn bị. Rồi cô cùng với các cháu đọc to tên các

dấu. Sau đó cô nói : "Hôm nay chúng ta sẽ chơi tìm thanh trong tiếng. Cô sẽ đọc chậm từng tiếng, tiếng đó có thanh gì thì các cháu giơ thẻ có dấu đó lên."

Ví dụ : Cô đọc các tiếng : cà, hồng, bàn, cò... Các cháu giơ thẻ thanh huyền. Hoặc các tiếng : Dế, cá, bé, ... các cháu giơ thẻ thanh sắc... Cứ như thế cho đủ các thanh. Nếu cháu nào giơ sai, cô cho các cháu đọc lại từ cô vừa đọc. Trò chơi tiếp tục cho đến hết các thanh.

- *Cách chơi thứ hai :* Khi trẻ đã chơi quen cô có thể cho các cháu tìm các tiếng cùng có một thanh. Cô nói : "các cháu hãy tìm các tiếng có thanh sắc". Cô mời từng cháu đọc tiếng có thanh sắc : sánh, bánh, nón...

19. XẾP ĐÚNG CHỮ CÁI THEO HÀNG DỌC, HÀNG NGANG

1. Mục đích

- Nhằm giúp trẻ biết đặt các thẻ chữ đã học vào ô trống theo hàng dọc, hàng ngang ở bảng chữ cái.

- Rèn luyện khả năng quan sát nhanh

2. Chuẩn bị

- Mỗi cháu 2 bảng bằng bìa gồm 9 ô, một số ô có ghi sẵn chữ cái đã học (mỗi ô có kích thước đặt vừa thẻ chữ (xem hình vẽ)

- Mỗi cháu 1 bộ các chữ cái cần ôn (kích thước chữ cái đặt vừa vào ô trống).

3. Cách chơi

.- Cô phát cho mỗi cháu một bộ thẻ các chữ cái đã chuẩn bị

- *Lần chơi thứ nhất :*

Cô cho các cháu chơi xếp chữ cái vào các ô trống sao cho các hàng ngang đều có 3 chữ cái như trong bảng (hình 1) : (b, d, đ). Cô

phát cho mỗi cháu một bảng. Cô làm mẫu xếp hàng thứ nhất. Sau đó cô cho các cháu tự xếp các hàng còn lại. Cô đếm chậm từ 1 đến 5. Các cháu giơ bảng lên. Cô quan sát bảng của các cháu. Cháu nào xếp sai cô cho cháu xếp lại. Cháu nào xếp đúng và nhanh cô kịp thời khen.

- *Lần chơi thứ hai :*

Cô phát cho mỗi cháu một bảng xếp chữ theo hàng ngang, hàng dọc. Cách chơi như lần chơi thứ 1 - Có khác là các cháu phải xếp các thẻ chữ cái vào các ô trống, sao cho hàng ngang, hàng dọc đều 3 chữ cái a, ă, â (hình 2).

b		
d		
đ		

hình 1

a		â
	ă	

hình 2

a

b

d

20. BÀN CỜ CHỮ CÁI

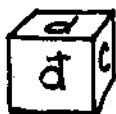
1. Mục đích

Nhằm củng cố nhận biết chữ cái và khả năng ghi nhớ mặt chữ.
Kích thích sự hứng thú của trẻ.

2. Chuẩn bị

- Bàn cờ ghi các chữ cái cần ôn (khoảng 4 - chữ cái) (xem hình vẽ).

			p			
			p			
			q			
u	t	—		—	t	u
			b			
			d			
			đ			



- 1 quân xúc xắc là 1 khối vuông : 1 cm x 1 cm mỗi mặt ghi một chữ cái ứng với các chữ cái ghi trên bàn cờ.

- 1 ống (hoặc ca, cốc con) để lắc quân xúc xắc và hột (hạt) làm quân đi.

3. Cách chơi

- 4 cháu chơi trên 1 bàn cờ. Trước khi chơi cho các cháu "oản tù tì", cháu nào thắng sẽ được đổ quân xúc xắc trước. Cháu cho quân vào ống (ca, cốc) lắc nhiều lần rồi đổ ra, mặt trên của quân xúc xắc có chữ cái nào ứng với chữ cái ghi trên bàn cờ thì cháu được lấy 1 hạt đặt vào ô ghi chữ cái đó trên bàn cờ. Rồi tiếp đến các cháu bên cạnh đi tiếp (theo chiều kim đồng hồ).

Trong quá trình chơi, nếu cháu nào đổ quân xúc xắc có chữ cái trùng với chữ cái đã có quân đi rồi thì coi như mất lượt đi. Cháu nào có quân xếp kín các ô trên bàn cờ là cháu đó thắng cuộc.

21. NỐI ĐÚNG TỪ VỚI HÌNH VẼ

1. Mục đích

- Nhằm giúp trẻ tri giác trọn vẹn các từ có cấu tạo đơn giản : 1 phụ âm và 1 nguyên âm.

- Rèn khả năng quan sát và luyện cơ tay.

2. Chuẩn bị

- 1 tranh to vẽ các hình và bên cạnh có từ ghi tên của hình vẽ đó. (Xem hình).

- Bút dạ và 1 quyển vở tập tô - bút chì màu cho từng cháu.

3. Cách chơi

Cô treo tranh đã chuẩn bị lên bảng. Cô yêu cầu các cháu quan sát các hình vẽ ở trong tranh. Cô hỏi các cháu nói tên từng hình vẽ. Sau đó cô chỉ sang bên ghi các từ của các hình vẽ. Cô đọc cho trẻ và trẻ

bi

bi'

dễ

dê

đu đủ



đọc theo cô. Rồi cô yêu cầu các cháu dùng bút chì nối đúng các từ với hình vẽ. Cô làm mẫu cho trẻ xem. Ví dụ : Cô nối từ "bì" với tranh hình vẽ hòn bi.

Sau khi trẻ nối xong cô cho trẻ tô màu các hình.

Trong quá trình trẻ nối - cô quan sát - cháu nào không nối được cô gợi ý hướng dẫn.

22. NỐI NHÓM CHỮ CÁI ĐÚNG VỚI CHỮ SỐ TƯƠNG ỨNG

1. Mục đích

- Giúp trẻ củng cố sự nhận biết chữ cái và các chữ số.

2. Chuẩn bị

- Mỗi trẻ 1 tranh (xem hình vẽ)
- Tranh cho cô

3. Cách chơi

Chơi cả lớp ở trong phòng học. Cô phát cho mỗi cháu 1 tranh đã chuẩn bị.

Cô yêu cầu các cháu quan sát tranh, rồi đọc các nhóm chữ cái ở trên tranh. Tiếp theo cô cho các cháu đọc các chữ số.

Sau đó cô hướng dẫn các cháu đếm từng nhóm chữ có bao nhiêu chữ - rồi nối đúng với chữ số tương ứng. Ví dụ : nhóm chữ d - có hai chữ - cháu nối với chữ số 2 (cô làm mẫu cho trẻ xem). Rồi cô cho trẻ nối tranh của các cháu.

- Sau khi trẻ đã nối xong - Cô yêu cầu các cháu giơ tranh lên cao. Cô quan sát các tranh của các cháu. Nếu cháu nào nối không đúng - cô cho cháu làm lại.

b b b
b b b

d d

h h h h
h h h h

k k k k

c c c
c c

1

2

3

4

5

6

7

8

9

i i i

y y y
y y y y

m

t t t t
t t t t

e e e e
e e e e

23. NỐI ĐÚNG DẤU THANH

1. Mục đích

- Giúp trẻ ôn luyện các dấu thanh trong tiếng Việt.
- Rèn luyện khả năng quan sát.

2. Chuẩn bị

- Cho cháu : Vở *Bé tập tô*, bút chì đen và bút chì màu. Ở các nơi không có vở tập tô, cô vẽ theo hình vẽ (trang 29) và phát cho trẻ.
- Cho cô : 1 tranh to có vẽ các hình và các dấu thanh.

3. Cách chơi

Cô cho trẻ quan sát các hình vẽ trong tranh và đọc các từ ghi ở từng tranh. Sau đó, cô cho trẻ đọc các dấu thanh trong tiếng Việt.

Cô cho trẻ dùng bút chì nối các dấu : huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng với các từ ở tranh có các dấu tương ứng. Cô làm mẫu cho trẻ xem.

Ví dụ : Cô nối dấu sắc (´) với hình vẽ con cá có ghi từ “cá”.

Nếu cháu nào nối không đúng, cô cho cháu đọc từ đó và gợi ý để cháu nối được.

Sau khi các cháu nối xong, cô cho các cháu tô màu hình của các tranh.

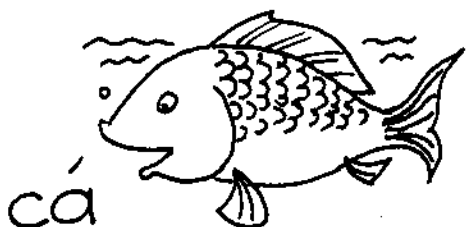
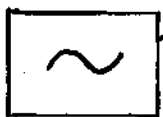
24. TÌM TỪ ĐÚNG VỚI HÌNH VẼ

1. Mục đích

- Giúp trẻ làm quen với tri giác trọn vẹn một từ có cấu tạo đơn giản.
- Rèn luyện khả năng quan sát.

2. Chuẩn bị

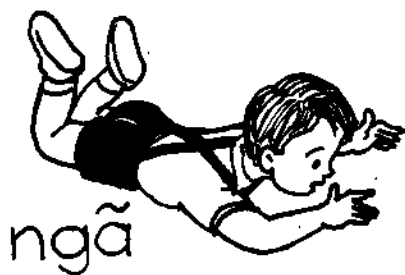
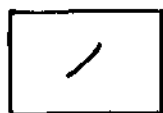
- Vở *Bé tập tô*, bút chì đen và bút chì màu.



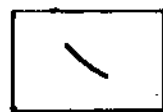
cá



cà



ngã



mạ



- Tranh dạy "Bé tập tô".

- Tranh to để cho cô.

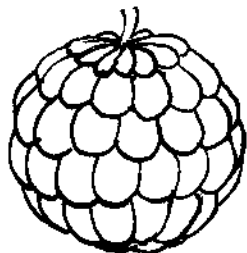
3. Cách chơi

Cô treo tranh đã chuẩn bị lên bảng. Cô yêu cầu trẻ nhìn xem tranh vẽ những quả gì ? Cô chỉ định từng cháu trả lời (hoặc cả lớp). Rồi cô đọc các từ ghi ở dưới hình vẽ.

- Tiến hành chơi : Cô cho trẻ đọc các từ đúng với hình vẽ. Sau đó cô hướng dẫn trẻ phân biệt các từ đúng và từ không đúng với hình vẽ.

Ví dụ : Cô chỉ vào hình vẽ quả na - đọc hai từ ghi ở dưới tranh na - na. Cô hỏi trẻ : "Từ na và na có gì khác nhau ?" (na có dấu sắc - na không có dấu sắc). Cô nói : "Các cháu hãy dùng bút chì khoanh từ đúng với hình vẽ". Cô làm mẫu cho trẻ : khoanh tròn từ na.

Trong quá trình trẻ chơi, cô quan sát - cháu nào khoanh sai cô kịp thời hướng dẫn cháu. Sau khi trẻ đã khoanh xong các từ cô cho trẻ tô màu tranh.



na - na



mẹ - me



mơ - mớ



mu - mũ

25. GHÉP HÌNH

1. Mục đích

- Giúp trẻ nhận biết chữ cái và phát âm đúng.
- Ghép hình nhanh, phát triển trí tưởng tượng.

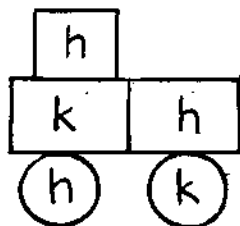
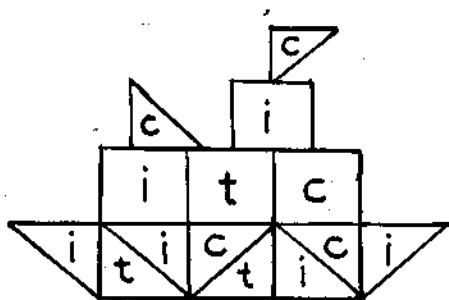
2. Chuẩn bị

- 2 bảng gỗ to được trang trí theo chủ đề cuộc chơi.
- Các mảnh bìa hình vuông, chữ nhật, tam giác - một mặt có ghi các chữ cái cần ôn (mỗi chữ 2 hình) - một mặt có nam châm để trẻ dính vào bảng.

3. Cách chơi

Cô có thể cho trẻ chơi ở trong lớp hoặc ở ngoài sân.

- Cô chia số trẻ chơi làm 2 nhóm. Số lượng 2 nhóm bằng nhau.
- Phát cho các cháu các mảnh bìa chữ cái.



- Cô giới thiệu cách chơi : "Bức tranh có biển, núi, ông mặt trời... nhưng còn thiếu con tàu trên mặt nước trong xanh. Các cháu hãy dùng các hình đã có để ghép thành một con tàu thủy. Khi ghép đến hình nào các cháu phải đọc to chữ cái ghi ở trên hình đó".

- Tiến hành chơi : hai nhóm thi nhau ghép hình tàu thủy. Các cháu ở hai nhóm lần lượt cầm hình lên gắn vào đúng vị trí trên bảng. (Lần đầu chơi cô vẽ hình tàu thủy đơn giản - trẻ xếp theo hình). Vừa ghép vừa đọc to chữ cái ở hình ghép. Nhóm nào ghép xong trước và phát âm chính xác các chữ cái là thắng cuộc.

Cô có thể cho các cháu ghép các hình : ô tô, con cá, máy bay... Những hình đơn giản cô không vẽ hình để các cháu tự ghép.

26. TIẾN - TIẾN - LÙI - LÙI

1. Mục đích

- Giúp trẻ phân biệt các chữ cái dễ nhầm lẫn về âm và hình dạng :
b - d ; p - q ; l - n

2. Chuẩn bị

- Các thẻ chữ cái : b, d, p, q, l, n (mỗi chữ 4 thẻ)
- Băng dính để gắn các chữ cái vào dép của trẻ

3. Cách chơi

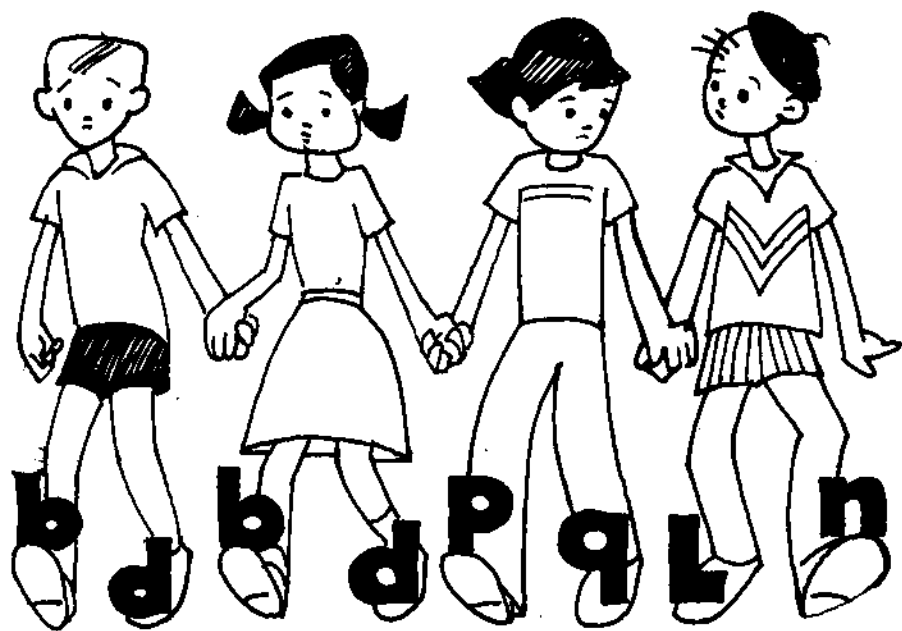
Chơi theo từng nhóm từ 6 - 8 trẻ ở ngoài sân. Cô cho trẻ xếp thành hàng ngang. Gắn một chữ vào một dép của trẻ theo từng cặp chữ. Ví dụ dép ở chân phải gắn chữ b thì dép ở chân trái gắn chữ d. Sau đó cô yêu cầu trẻ nhận biết và ghi nhớ các chữ cái gắn ở dép.

Khi cô giáo đọc chữ nào thì chân có chữ đó bước lên một bước. Ví dụ đọc chữ b thì chân có chữ b bước lên 1 bước (còn chân kia

vẫn đứng nguyên). Khi cô giáo đọc 1 chữ, mà chân có chữ đó đã bước ở phía trước thì chân ấy không được bước lên mà phải nhảy chân sáo lên một bước.

Lúc đầu, cô đọc chậm từng chữ một, sau đó có thể đọc nhiều chữ một lúc. Tốc độ nhanh dần lên.

Cháu nào bước sai phải lùi lại một bước. Cháu nào tiến tới cô trước là thắng cuộc (từ chỗ các cháu đến cô khoảng 3 - 4 m).



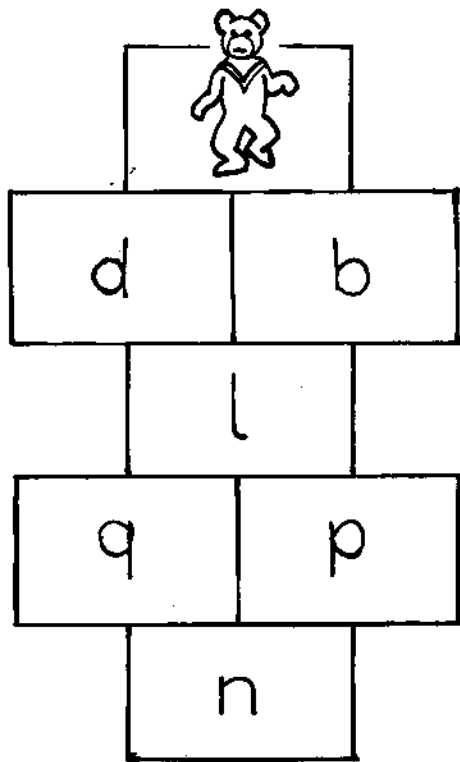
27. GẤU VÀO RỪNG

1. Mục đích

Giúp trẻ phân biệt các chữ cái dễ nhầm lẫn về hình dạng và âm :
b – d; p – q; l – n.

2. Chuẩn bị

- Sân chơi vẽ theo hình.
- Cắt thẻ chữ cái: b, d, p, q, l, n. Số lượng tùy thuộc vào ô.
- Đặt thẻ chữ cái vào từng ô. Chú ý những chữ cái trẻ hay lẫn xếp vào các ô kép (2 ô sát cạnh nhau).



3. Cách chơi

- Lần lượt cô cho 1 trẻ bước vào từng ô. Bước vào ô nào, trẻ phải đọc thẻ chữ xếp trong ô đó.
- Khi gặp ô kép, bước lần lượt vào các ô. Bước vào ô bên trái (nghiêng người về bên trái) và đọc thẻ chữ xếp trong ô đó, bước tiếp vào ô bên phải (nghiêng người về bên phải) đọc thẻ chữ xếp trong ô đó.
- Khi đi hết các ô, quay về, chơi lại từ đầu. Tiếp đến các cháu khác. Cô giáo có thể thay đổi các chữ trong ô khi trẻ đã thuộc, không còn nhầm lẫn nữa.

28. DỌN VỀ NHÀ MỚI

1. Mục đích

Ôn luyện các chữ cái và các số đã học.

2. Chuẩn bị

- Vẽ 4 ngôi nhà 5 tầng (mỗi nhà đều gắn 1 chữ cái).
- Quân lô tô vẽ các đồ dùng gia đình : bàn, tủ, đèn...
- Thẻ chữ cái rời.

3. Cách chơi

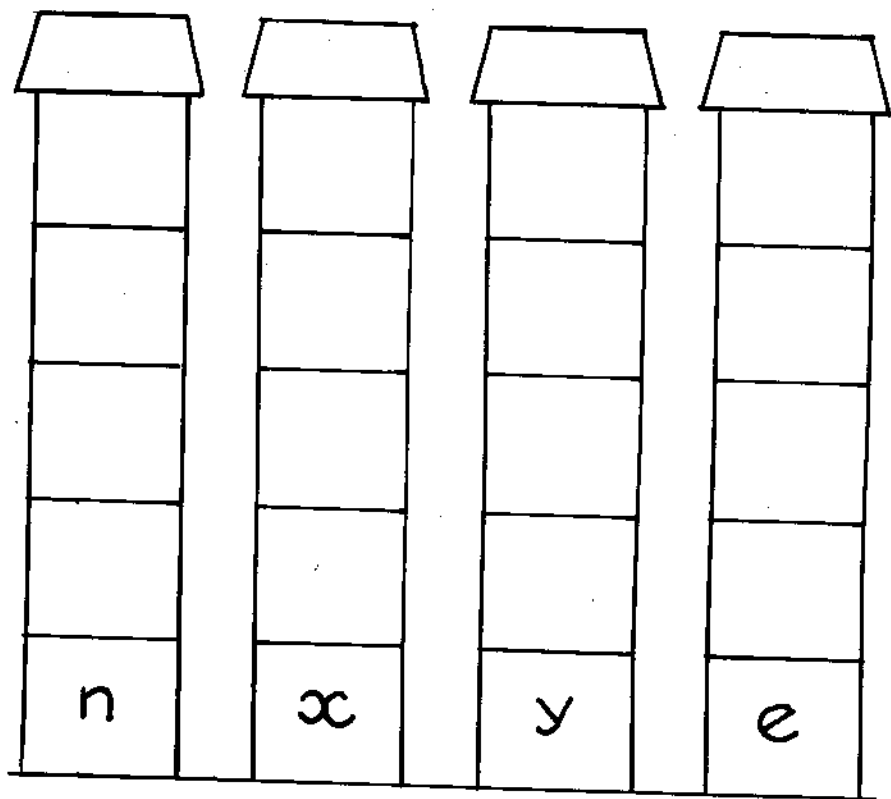
Chơi theo nhóm, 2 cháu ngồi cùng chiều (mỗi cháu xếp 2 nhà).

Cô giáo giới thiệu cho trẻ biết có một khu nhà mới xây xong, các cháu hãy giúp đỡ mọi người xếp đồ dùng (các quân lô tô) vào nhà mới, đúng nhà, đúng tầng.

Ví dụ : Xếp cho cô cái tủ vào tầng 1 của nhà E. Cái đèn vào tầng 5 của nhà V.

Cô cho lần lượt từng cháu xếp. Cháu nào xếp sai là mất lượt chơi. Cô có thể thay đổi quân lô tô và chữ cái đánh dấu tên nhà.

Khi trẻ đã chơi thành thạo, cô cho các cháu chơi theo nhóm 3 : một cháu chỉ dẫn, 2 cháu xếp đồ vào nhà mới.



29. ĐỘI MŨ ĐEO RÂU

1. Mục đích

Phân biệt o - ô - ơ, a - ă - â ; u - ư ; e - ê và luyện phát âm.

2. Chuẩn bị

- Mũ (giống mũ múa) có gắn các chữ : o (3 mũ) ; a (3 mũ) ; u (2 mũ) ; e (2 mũ).

- Nón (cờ đồ chơi) 4 cái (hoặc vẽ bằng bìa).

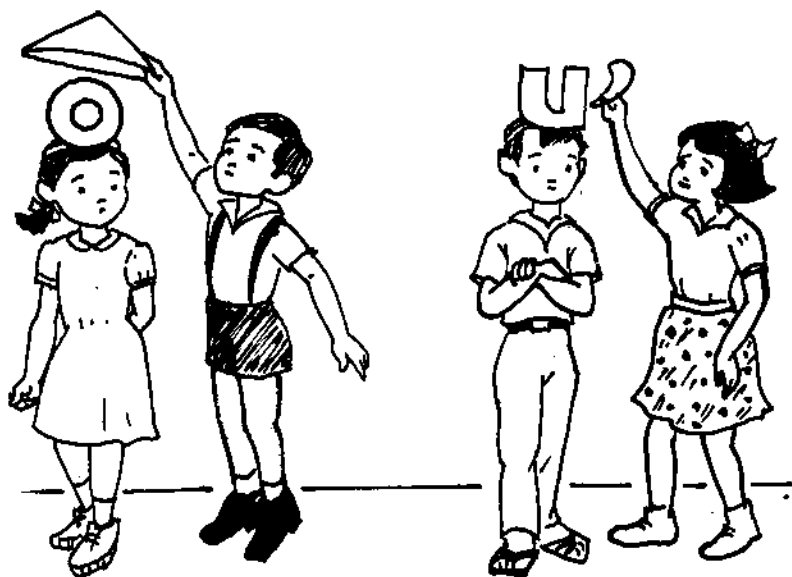
- Râu : vẽ một cái móc trên bìa : 2 cái.

3. Cách chơi

Cách chơi thứ nhất :

- Chơi theo nhóm 16 cháu : 10 cháu đội mũ có chữ cái. 6 cháu cầm nón và râu.

- Tiến hành chơi : 10 cháu đội mũ có gắn chữ cái đứng thành vòng tròn. Cô cho lần lượt từng cháu phát âm chữ gắn trên mũ mình đang đội.



6 cháu cầm nón, râu đi ngoài vòng tròn. Các cháu vừa đi vừa hát. Khi bài hát kết thúc, các cháu dừng lại, đứng cạnh bạn đội mũ chữ cái, tùy theo chữ mà "đội nón, đeo râu" cho bạn (giơ lên trên đầu bạn).

Sau đó bạn đội mũ sẽ phải phát âm chữ cái mới đã gắn thêm nón (hoặc râu). Cô giáo hoặc bạn chủ trò lần lượt chỉ định cho các bạn phát âm.

Ví dụ : o gắn thêm nón thành ô, u gắn thêm râu thành ư.

Nếu cháu dừng lại chữ cái không gắn thêm được nón hoặc râu, ví dụ : e không gắn được thêm râu thì không được "đeo râu" cho bạn (hạ mũ và râu xuống).

Cháu nào phát âm sai hoặc gắn dấu sai bị phạt lò cò một vòng.

Cách chơi thứ hai :

Tất cả các cháu đội mũ và cầm nón, râu vừa đi vừa hát trong sân. Khi bài hát kết thúc, các cháu "cầm nón, đeo râu" đi tìm bạn đội mũ chữ cái để "đội nón hay đeo râu" cho bạn. Ví dụ a gắn thêm nón được thành ă. Sau đó bạn đội mũ và cầm nón, cùng phát âm chữ cái mới.

Bạn không được gắn mũ thêm râu có nhiệm vụ kiểm tra xem bạn có đội đội mũ, đeo râu đúng và phát âm đúng không.

30. CHIẾC GẬY THẦN KÌ

1. Mục đích

- Giúp trẻ phân biệt bên phải, bên trái.
- Phân biệt các chữ có nét đứng như : h, k, b, d, đ, p, q...

2. Chuẩn bị

- Các nét chữ : o, <, (bằng bìa)
- 1 cái gậy dài 70 cm.

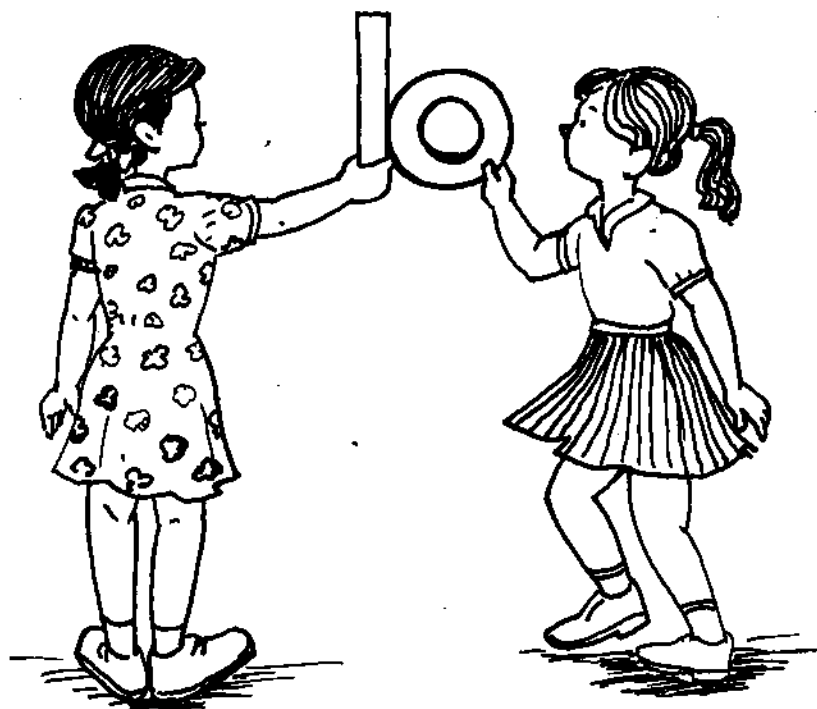
3. Cách chơi

Chia lớp thành 2 nhóm : Một nhóm cầm gậy và nét chữ : một nhóm đứng tại chỗ để đọc các chữ cái đã được các bạn ghép thành.

- Tiến hành chơi : Các cháu cầm gậy đứng tại chỗ. Tay cầm gậy giơ thẳng trước mặt. Các cháu cầm các nét chữ : <, o, lần lượt chạy đến bạn cầm gậy để ghép thành chữ cái. Các bạn đứng đối diện lần lượt đọc các chữ cái đã được ghép thành.

Ví dụ o ghép bên phải nét đứng (cái gậy) thành b. Ghép bên trái nét đứng (cái gậy) thành d.

Nếu ghép sai vị trí, ví dụ nét ghép lên phía trên của gậy là sai thì phải phạt, không được cầm các nét tiếp theo.



31. CON GÌ ?

1. Mục đích

Nhận biết những đặc điểm của các đồ vật, cây, con... được thể hiện qua tranh làm quen chữ cái.

2. Chuẩn bị

Tranh làm quen chữ cái, tranh dinh dưỡng.

3. Cách chơi

Chọn 1 cháu lên quay mặt vào tường trong khi cả lớp quan sát một bức tranh (ví dụ tranh con cá). Treo bức tranh (con cá) vào lưng cháu đang đứng quay mặt vào tường để cháu đó không biết đó là bức tranh gì.

Cách chơi thứ nhất:

Cô cho từng cháu mô tả, nói đặc điểm của bức tranh nhưng không được nói tên bức tranh vẽ gì.

Ví dụ tranh con cá có thể nói :

- Tranh vẽ một con vật.
- Nó có vây.
- Nó sống ở dưới nước...

Các bạn trong lớp kể, mô tả, nói đặc tính của con vật cho đến khi bạn đeo bức tranh đó hiểu và nói đúng tên con vật là trò chơi kết thúc.

Cách chơi thứ hai:

Cháu đeo tranh hỏi và các bạn trong lớp cùng trả lời đúng hay không đúng :

Ví dụ cháu đeo bức tranh sau lưng hỏi :

- Đó là một loại cây ? - Không đúng
- Là con vật ? - Đúng
- Biết bay ? - Không đúng
- Có lông ? - Không đúng
- Có vây ? - Đúng
- Sống ở dưới nước ? - Đúng

Đến đây, cháu có thể đoán : một con vật sống ở dưới nước, không có lông; có vây là con cá.

Cháu nói đúng là thắng cuộc.

32. MÈO BẮT CHUỘT

1. Mục đích

- Rèn luyện khả năng nhanh nhẹn, sáng tạo
- Củng cố cách nhận biết các chữ cái đã học.

2. Chuẩn bị

- Mũ cho “mèo” đội có gắn chữ cái.
- Mũ cho “chuột” (có gắn các chữ cái cần ôn).

Mô hình hang chuột hoặc tranh vẽ hang chuột có gắn chữ cái giống chữ cái ở mũ chuột.

3. Cách chơi

4 - 6 cháu chơi ở ngoài sân.

Cô giới thiệu trò chơi : Cô phát cho mỗi cháu 1 mũ “chuột” đóng vai làm những “chú chuột”. Còn cô sẽ đội mũ mèo đóng vai làm “chú mèo”. Cô chỉ vào mô hình hoặc tranh và nói : “Những bức tranh này giả là những cái hang của chuột. Mỗi hang có mang tên một chữ cái

và mỗi cái mũ của chuột cũng mang tên một chữ cái giống như ở hang chuột. Khi các chú chuột đi kiếm mồi ăn mà nghe tiếng mèo kêu thì các chú chuột phải tìm về đúng hang của mình (về hang có chữ cái giống chữ cái trên mũ của mình). Nếu không về được, chuột sẽ bị mèo vồ”.

Tiến hành trò chơi :

Chú mèo nấp sau một gốc cây. Các chú chuột đi kiếm mồi, vừa đi vừa hát :

“Chíp chíp... chíp
Chúng ta là họ chuột
Răng ta nhọn, đầu ta dài...
Chíp chíp... chíp...”

Lúc này, mèo xuất hiện và kêu “meo meo...”. Các chú chuột phải nhanh chân tìm về hang có chữ cái giống với chữ cái trên mũ của mình. Nếu chú chuột nào chậm chân bị mèo vồ được sẽ thua và phải đóng vai mèo.

* Số lần chơi :

- Lần 1, 2 : để nguyên chữ cái.
- Lần 3, 4 : đổi chữ cái ở hang chuột.
- Lần 5 : các chú chuột đổi mũ cho nhau.

Sau mỗi lần chơi, cô giáo kiểm tra xem các chú chuột có về đúng hang của mình không.

33. ĐỌC SÁCH

1. Mục đích

- Ôn luyện các chữ cái đã học.
- Trẻ làm quen với các thao tác : cầm sách, mở sách, lật trang sách... gây hứng thú khi chơi.

2. Chuẩn bị

- Mỗi cháu 1 cuốn sách nhỏ và có chữ cái đã học hoặc cuốn sách "Bé làm quen với chữ cái".

3. Cách chơi

Cô phát cho mỗi cháu một cuốn sách đã chuẩn bị. Các cháu để sách lên bàn.

Khi cô nói : "Đọc sách ! Đọc sách !" thì các cháu hỏi : "Trang nào ! Trang nào ?" Cô nói tiếp : "Trang có chữ a". Các cháu nhẹ nhàng lật từng trang sách, đến trang có chữ a, đọc âm của chữ cái đó. Tiếp theo cô lại nói : "Tìm chữ ! Tìm chữ !" các cháu hỏi "Chữ gì ? Chữ gì?" Cô nói : "Chữ h". Trẻ lại tiếp tục lật từng trang, đến trang có chữ h các cháu đọc to. Trò chơi cứ như vậy tiếp tục cho hết các chữ cái.

34. CÁC CON VẬT ĐANG LÀM GÌ ?

Bé hãy dùng từ chính xác để miêu tả động tác của từng con vật :

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| - Tôn Ngộ không đang ... | - Chú vịt Đôn đang... |
| - Chú Thỏ đang ... | - Chú Mèo đen đang ... |
| - Chú Chuột Micki đang... | - Chú Khỉ đang... |



35. NỐI ĐÚNG TỪ VỚI HÌNH VẼ

1. Mục đích

Nhằm giúp trẻ phát triển ngôn ngữ - phát triển năng lực quan sát.

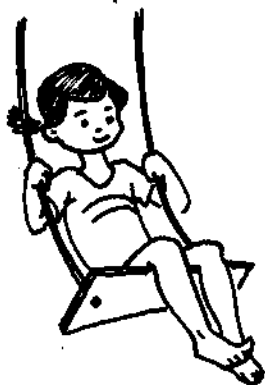
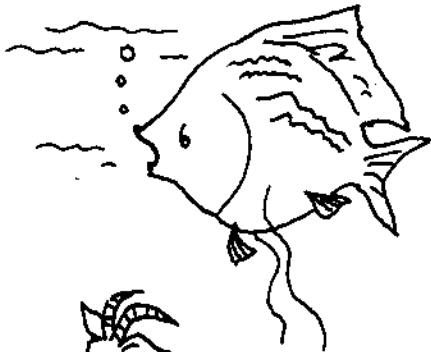
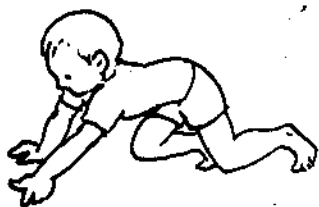
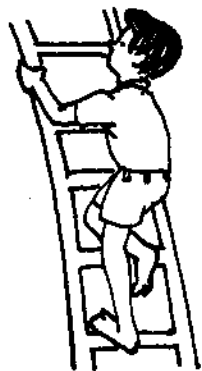
2. Chuẩn bị

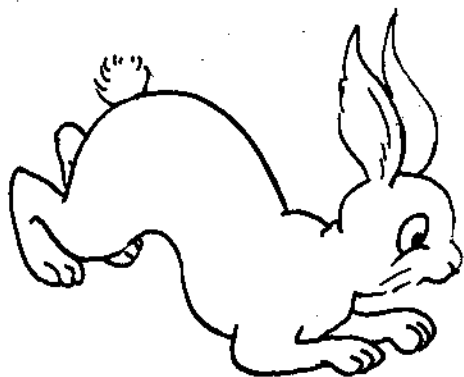
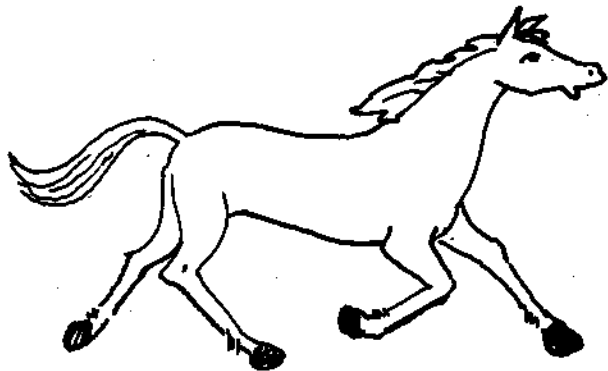
- Tranh vẽ mỗi cháu một tranh.
- 1 tranh khổ to cho cô

3. Cách chơi

Cô treo tranh lên bảng, hướng dẫn trẻ quan sát các hình vẽ và nói được đúng hoạt động của bé trên hình vẽ. Ví dụ cô chỉ vào hình vẽ trẻ leo thang - trẻ trả lời : "Bé đang leo thang". Sau khi trẻ đã xem hình và nói hết được các hoạt động trên hình vẽ về người, cô hướng dẫn trẻ dùng bút chì nối đúng các hoạt động tương ứng giữa người và các động vật.

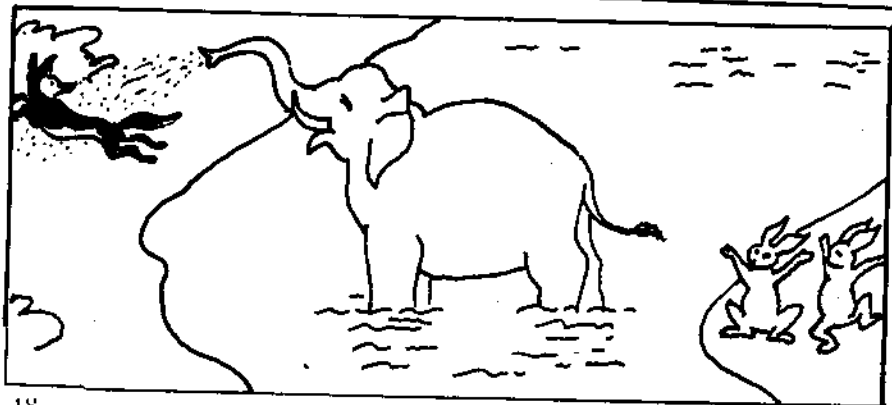
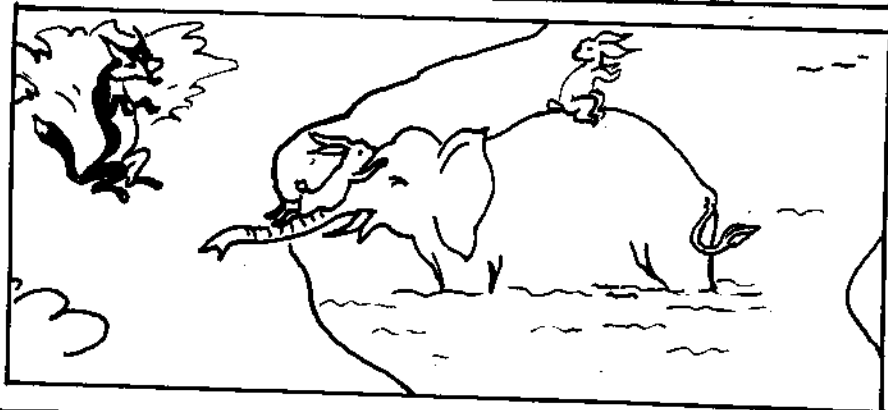
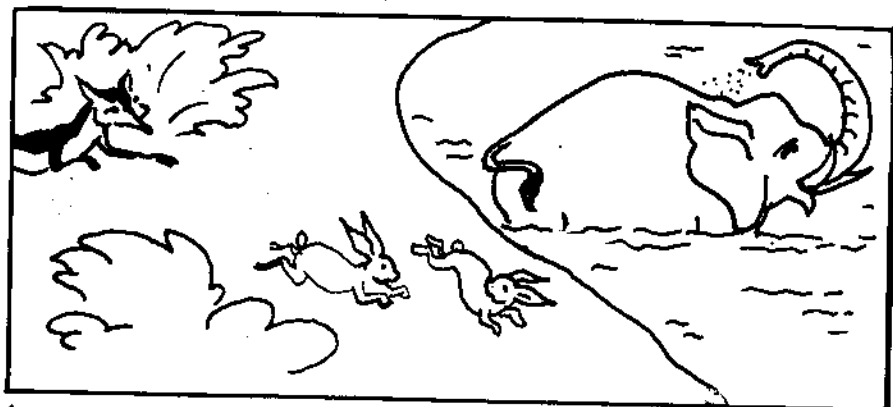
Ví dụ : Dùng bút chì nối hình vẽ bé đang bơi với hình vẽ cá đang bơi ; hình bé đang đánh đu với hình con khỉ đang đánh đu... Sau khi trẻ đã nối xong cô cho các cháu tô màu tranh.





36. NHÌN TRANH KỂ CHUYỆN

Bé hãy theo thứ tự các bức tranh rồi kể thành một câu chuyện cho bạn nghe và tô màu tranh.



CÂU ĐỐ

Bình thường em đọc là "u"
Khi em quay ngược "u" ra chữ gì ?

(Chữ n)

*

* *

Một nét thẳng đứng nghiêm chào
Trên thêm dấu chấm (.) cháu nào nói ngay !

(Chữ i)

*

* *

Nét tròn em đọc chữ "o".
Khuyết đi một nửa sẽ cho chữ gì ?

(Chữ C)

*

* *

Sừng sừng đứng thẳng một mình
Đọc lên uốn lưỡi... đố bé chữ gì ?

(Chữ l)

*

* *

Ba anh cùng giống cái mình
Tròn xoe như trái trứng gà nhà ai ?
Một anh đội mũ thật hay
Anh kia làm biếng cô thời thêm râu

(Chữ o, ô, ơ)

Củ gì đo đỏ,
Con thỏ thích ăn

(Củ cà rốt)

*
* *

Con gì mãi miết rong chơi
Tiếng kêu ra rả gọi mời hè sang

(Con ve)

*
* *

Con gì không có cánh
Lại sống được hai nơi
Ngày đội nhà đi chơi
Tối úp nhà nằm ngủ

(Con rùa)

*
* *

Bốn chân trông giống cột đình
Vòi dài, tai lớn dáng hình oai phong
Lúc ra trận, khi xiếc rong
Thò hàng, kéo gổ đều không quản gì.

(Con voi)

*
* *

Cái gì bằng lá
Chóp nhọn vành tròn
Người lớn trẻ em
Nắng mưa đều đội

(Cái nón)

Con gì tai thính mắt tinh
Nấp trong bóng tối ngồi rình chuột qua ?
(Con mèo)

*

* *

Con gì bé tí
Đi lại từng đàn
Kiếm được mỗi ngon
Cùng tha về tổ ?

(Con kiến)

*

* *

Đèn gì vàng óng
Bóng nhỏ tí ti
Sôi sáng đường đi
Mỗi khi trời tối ?

(Đèn pin)

*

* *

Cũng gọi là quả
Chẳng ở trên cây
Có vảy có vảy
Suốt ngày bơi lội
Là con gì ?

(Cá quả)

*

* *

Mùa gì mai nở khắp vùng
Lớn thêm một tuổi bé không khóc nhè ?

(Mùa xuân)

*

* *

Cây gì tích tịch tình tang
Hoà theo tiếng hát rộn vang cả nhà ?

(Cây đàn)

Còn gì mặc yếm đội mai
Hai còng tám cẳng suốt đời bò ngang ?
(Con cua)

*

* *

Hòn gì bé tí bé tí
Lăn tròn trên đất mỗi khi đụng vào ?
(Hòn bi)

*

* *

Chẳng phải là chim
Mà bay trên trời
Chở được nhiều người
Đi khắp mọi nơi
Là cái gì ?
(Máy bay)

*

* *

Đôi gì nho nhỏ
Gồm có nhiều quai
Bao lấy bên ngoài
Giữ chân bé sạch ?
(Đôi dép)

*

* *

Cái gì nho nhỏ
Mà có nhiều răng
Giúp bé siêng năng
Hằng ngày chải tóc ?
(Cái lược)

*

* *

Tìm hoa hút mật
Làm lợi cho người
Này các bạn ơi
Là con gì thế ?
(Con ong)

Con gì nhỏ nhỏ
Trông giống con sâu
Nó ăn lá dâu
Nhà tơ vàng óng ?

(Con tằm)

*
* *

Con gì nằm cạnh bờ ao
Mồm kêu ồm ộp khi trời đổ mưa ?

(Con ếch)

*
* *

Con gì chứa tế sơn lâm
Về đây nhảy múa đêm rằm trung thu ?

(Con sư tử)

*
* *

Xe gì hai bánh
Đạp chạy bon bon
Chuông kêu kính công
Đứng yên thì đổ ?

(Xe đạp)

*
* *

Thân thì trắng muốt
Mỏ nhọn chân dài
Đồng xanh lặn lội kiếm mồi
Khi vui tung cánh giữa đồng bao la ?

(Con cò)

Ai mặc áo trắng
Có chữ thập xinh
Tiêm thuốc chúng mình
Sẽ mau lành bệnh

(Cô y tá)

*
* *

Lấp la lấp lánh
Treo ở trên tường
Trước khi đến trường
Bé soi chải tóc

(Cái gương)

*
* *

Xe gì bốn bánh chạy bon bon
Máy nổ giòn kêu pi po

(Xe ô tô)

*
* *

Quả gì nho nhỏ
Chín đỏ như hoa
Tươi đẹp vườn nhà
Mà cay xé lưỡi

(Quả ớt)

*
* *

Cây gì xoè tán lá tròn
Mùa hè rợp bóng sân trường em chơi
Mùa đông gió bắc đầy trời
Khắc khiu cành trụi, lá rơi cây buồn

(Cây bàng)

Cây gì nhỏ nhỏ
Hạt nó nuôi người
Chín vàng nơi nơi
Mọi người đi gặt ?

(Cây lúa)

*

* *

Cây gì thân cao
Lá thưa răng lược
Ai đem nước ngọt
Đựng đầy quả xanh ?

(Cây dừa)

*

* *

Thân tròn nhiều đốt
Phát phơ lá dài
Róc hết vỏ ngoài
Bé ăn ngọt lắm ?

(Cây mía)

*

* *

Mùa gì ẩm áp
Mưa phùn nhẹ bay
Khắp chốn cỏ cây
Đâm chồi nảy lộc ?

(Mùa xuân)

*

* *

Mùa gì rét buốt
Gió bắc thổi tràn
Đi học đi làm
Phải lo mặc ấm ?

(Mùa đông)

Như chiếc vôi rồng
Mồm uống nước sông
Phun ra cánh đồng
Bọt tung trắng xoá

(Máy bơm nước)

*
* *

Trông như quả bóng màu xanh
Đung đưa trên cành chờ Tết Trung thu

(Quả bưởi)

*
* *

Dài như con rắn
Trườn trên đường ray
Đi khắp đó đây
Mà không biết mệt

(Tàu hỏa)

*
* *

Hộp gì cho lửa để dùng
Nấu cơm đun nước, sáng bùng đèn đêm ?

(Hộp diêm)

*
* *

Con gì trườn dọc bờ ao
Bắt ếch bắt nhái lười le vào le ra ?

(Con rắn)

*
* *

Ai muốn chân sạch
Thì dùng đến tôi

Nhưng phải một đôi
Đôi gì thế nhỉ ?

(Đôi dép)

*
* *

Cái gì nền đỏ
Giữa có sao vàng
Khắp nước Việt Nam
Đâu đâu cũng có

(Lá cờ)

*
* *

Con gì chân ngắn
Mà lại có màng
Mỏ bẹt màu vàng
Hay kêu cạp cạp

(Con vịt)

*
* *

Con gì hay hát một bài
Hát đi hát lại những ngày hè sang ?

(Con ve)

*
* *

Con gì bay rập rờn
Luôngiương đôi cánh khoe muôn sắc màu ?

(Con bướm)

Cái gì bằng vải
Dùng để đội đầu
Trời nắng chang chang
Che đầu cho bé

(Cái mũ vải)

*

* *

Con gì không vú
Nuôi chín mười con
Suốt ngày cục cục
Kiếm mồi nuôi con ?

(Con gà mái)

*

* *

Thân hình tôi nhỏ hơn trâu
Tôi có chiếc yếm chung màu bộ lông
Cùng kéo cày giúp nhà nông
Việc xong gặm cỏ trên đồng thanh thoi.

(Con bò)

*

* *

Nơi nào có khách tập trung
Có xe lửa đỗ khách đông lên tàu

(Nhà ga)

*

* *

Hộp gì chứa nước đủ màu
Để sơn gỗ, sắt, xe tàu đừng hư ?

(Hộp sơn)

Nhấp nha nhấp nháy
Trên bầu trời đêm
Buổi sáng em tìm
Đi đâu hết cả ?

(Sao trời)

*
* *

Thân hình bằng sắt
Nổi nhẹ trên sông
Chờ chú hải quân
Tuần tra trên biển ?

(Tàu thủy)

*
* *

Tàu gì không chạy dưới sông
Còi tu âm ỉ vượt đồng bao la
Khi về đến trước sân ga
Người lên kẻ xuống vào ra rộn ràng ?

(Tàu hỏa)

*
* *

Con gì đậu ở trên cao
Cúc cu gáy rộn đón chào nắng mai ?

(Chim cu)

*
* *

Tên em cũng gọi là cà
Mình tròn vỏ đỏ, chín vừa nấu canh.

(Quả cà chua)

Không gieo không cấy
Mà cứ mọc hoài
Đến lúc quá dài
Cắt đem vứt bỏ.

(Cây cỏ)

*

* *

Mùa gì oi ả
Phượng nở đây hoa
Ve thì nhau hát
Khúc nhạc đượm buồn ?

(Mùa hè)

*

* *

Hoa gì tối nở sớm tàn
Hương thơm tỏa ngát khắp vườn nhà em ?

(Hoa quỳnh)

*

* *

Lông xanh mỡ dài
Có tài bắt cá.

(Chim bói cá)

*

* *

Con gì đẹp nhất loài chim
Đuôi xòe sặc sỡ như nghìn cánh hoa ?

(Con công)

*

* *

Áo xanh màu cỏ
Đầu nhỏ bụng dài

Múa võ trỏ tài
Giương đôi kiếm sắc

(Con bộ ngựa)

*

* *

Hạt gè nhỏ nhỏ
Mẹ nấu hàng ngày
Nuôi ta khôn lớn

(Hạt gạo)

*

* *

Chân gầy đầu, râu gầy mắt
Lưng còng mà sống dưới nước

(Con tôm)

*

* *

Có cánh mà lại không bay
Giúp người mát mẻ mỗi khi mùa hè

(Cái quạt)

*

* *

Cái gì bật sáng trong đêm
Giúp cho nhà dưới nhà trên sáng ngời

(Bóng đèn)

*

* *

Thân em không thiếu chẳng thừa
Chín vàng ngon ngọt rất vừa lòng anh

(Quả đu đủ)

Mặt tròn mang số
Bố đeo ở tay
Bé áp vào tai
Tiếng kêu tích tắc

(Đồng hồ)

*
* *

Con gì bò ngang
Hai càng tám cẳng
Bé rất muốn chơi
Nhưng chẳng dám gần
Kẹp đau, đau lắm

(Con cua)

*
* *

Tên có chữ n
Lại có chữ o
Bé đẹp như mơ
Khi cài lên tóc

(Cái nơ)

*
* *

Tôi đây có tổ có tông
Suốt đời chăm chỉ
Chẳng ăn không ngồi rồi
Tìm hoa bay đến khắp nơi
Tổ đầy mật ngọt, bé ơi con gì ?

(Con ong)

Đèn xanh đèn đỏ
Không gõ mà dừng
Giữa ngã ba đường
Phải chấp hành đúng

(Đèn báo hiệu)

*

* *

Thân sống bụi bờ
Vị đắng mà ngon
Ai cũng là con
Cũng kêu bằng má

(Rau má)

MỤC LỤC

	Trang
1. Nhận biết tay phải và tay trái của bé	3
2. Cánh cửa thần	5
3. Tìm đúng chữ cái trong từ	7
4. Tìm thẻ chữ theo hiệu lệnh của cô	7
5. Xếp hạt theo đúng chữ cái	8
6. Tìm tranh có bắt đầu cùng một chữ	9
7. Tìm tiếng bắt đầu cùng một chữ cái	10
8. Ô tô vào bến	10
9. Chữ gì biến mất ?	12
10. Tập tìm vòng	13
11. Tìm hoa quả đúng với chữ cái	14
12. Cướp cờ	15
13. Bác đưa thư	16
14. Thi lấy bóng	17
15. Hoa tìm lá, lá tìm hoa	8
16. Nghe đọc tìm đúng chữ	19
17. Ai sống trong ngôi nhà này ?	19
18. Tìm thanh trong tiếng	20
19. Xếp đúng chữ cái theo hàng dọc, hàng ngang	21
20. Bàn cờ chữ cái	23
21. Nối đúng từ với hình vẽ	24
22. Nối nhóm chữ cái đúng với chữ số tương ứng	26
23. Nối đúng dấu thanh	28
24. Tìm từ đúng với hình vẽ	28
25. Ghép hình	31

26. Tiến - tiến - lùi - lùi	32
27. Gấu vào rừng	34
28. Dọn về nhà mới	35
29. Đội mũ đeo râu	36
30. Chiếc gậy thần kì	38
31. Con gì ?	40
32. Mèo bắt chuột	41
33. Đọc sách	42
34. Các con vật đang làm gì ?	43
35. Nói đúng từ với hình vẽ	45
36. Nhìn tranh kể chuyện	36
Câu đố	49

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :
TRỊNH THANH HUYỀN

Biên tập tái bản :
CHU THỊ THÚY ANH

Biên tập mỹ thuật :
PHẠM THỊ HÀ

Minh họa :
LƯƠNG XUÂN HUY

Trình bày bìa :
TIẾN VƯỢNG

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

TRÒ CHƠI VỚI CHỮ CÁI VÀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Mã số: 0G047 T3 - TTS

In 6.000 bản (43TK), khổ 14,3 x 20,3 tại Xí nghiệp in Hà Tây.
Số in: 29TK; Số XB: 1419/8 - 02. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2003.



8 934980 210161



349.16

Giá: 3.500đ